

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-43
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 07 tháng 04 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04/08/2022
Ông Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 28/07/2022
Ông Lâm Thiệu Quân	Thành viên	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2022
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 21/06/2022
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên	Từ nhiệm ngày 28/07/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Thiệu Quân	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên	
Bà Mai Ngọc Phượng	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

09-00
NHÂN
GTY TN
KIỂM
AASC
TP. HỒ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lâm Thiều Quân

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được lập ngày 28 tháng 11 năm 2022, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021 và Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 25/11/2021 và ngày 21/06/2022.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2022	01/04/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		168.982.984.462	174.964.077.976
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	12.493.673.143	27.764.239.420
111	1. Tiền		4.493.673.143	27.764.239.420
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	224.000.000	224.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		224.000.000	224.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		117.206.391.719	126.118.961.674
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	125.522.262.023	138.524.429.566
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.247.784.399	1.576.739.245
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	11.277.149.622	7.858.597.188
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(21.840.804.325)	(21.840.804.325)
140	IV. Hàng tồn kho	09	37.464.384.178	20.664.559.513
141	1. Hàng tồn kho		40.089.889.846	23.290.065.181
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.625.505.668)	(2.625.505.668)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.594.535.422	192.317.369
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	277.424.046	192.317.369
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.317.111.376	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		214.411.221.313	139.721.563.914
220	II. Tài sản cố định		47.629.169.247	48.937.128.475
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	32.295.432.907	33.310.970.905
222	- Nguyên giá		72.028.000.576	72.028.000.576
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.732.567.669)	(38.717.029.671)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	15.333.736.340	15.626.157.570
228	- Nguyên giá		25.067.314.435	24.887.314.435
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.733.578.095)	(9.261.156.865)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	430.660.800	287.107.200
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		430.660.800	287.107.200
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	164.225.327.088	88.585.711.088
251	1. Đầu tư vào công ty con		118.023.227.088	117.383.611.088
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		77.310.000.000	2.310.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.367.100.000	7.367.100.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(38.475.000.000)	(38.475.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.126.064.178	1.911.617.151
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.126.064.178	1.911.617.151
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		383.394.205.775	314.685.641.890

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2022	01/04/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		133.465.833.890	73.148.387.561
310	I. Nợ ngắn hạn		90.321.825.636	69.982.132.757
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	22.473.552.394	25.871.303.291
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	8.857.963.292	6.885.512.528
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	92.590.427	733.966.592
314	4. Phải trả người lao động		-	1.431.148.812
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	323.433.306	1.870.585.564
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	30.060.473.338	25.016.820.448
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	25.164.155.461	3.997.681.940
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	2.055.767.652	2.658.238.393
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.293.889.766	1.516.875.189
330	II. Nợ dài hạn		43.144.008.254	3.166.254.804
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	924.717.950	868.717.950
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	40.000.000.000	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	2.045.291.919	2.001.532.653
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		173.998.385	296.004.201
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		249.928.371.885	241.537.254.329
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	249.928.371.885	241.537.254.329
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		213.436.540.000	213.436.540.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		213.436.540.000	213.436.540.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(721.880.000)	(721.880.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.604.360.982	3.604.360.982
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.609.350.903	25.218.233.347
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		25.218.233.347	17.258.029.825
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		8.391.117.556	7.960.203.522
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		383.394.205.775	314.685.641.890

Phạm Thị Bích Thảo
Người lập

Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng

Lâm Thiếu Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2022	Từ 01/04/2021
			đến 30/09/2022	đến 30/09/2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	43.844.627.220	55.198.650.406
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	154.600.000	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.690.027.220	55.198.650.406
11	4. Giá vốn hàng bán	25	30.856.542.113	43.284.627.113
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.833.485.107	11.914.023.293
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	15.277.531.317	28.862.899
22	7. Chi phí tài chính	27	1.672.615.761	2.252.351.756
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.629.795.808	547.101.532
25	8. Chi phí bán hàng	28	11.122.608.387	11.371.904.640
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	7.198.489.708	4.656.876.732
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.117.302.568	(6.338.246.936)
31	11. Thu nhập khác	30	300.634.338	307.042.078
32	12. Chi phí khác	31	26.819.350	45.535
40	13. Lợi nhuận khác		273.814.988	306.996.543
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.391.117.556	(6.031.250.393)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.391.117.556	(6.031.250.393)




Phạm Thị Bích Thảo
 Người lập

Trương Thị Phương Dung
 Kế toán trưởng



Lâm Thiệu Quân
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2022	Từ 01/04/2021
			đến 30/09/2022	đến 30/09/2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.391.117.556	(6.031.250.393)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.487.959.228	1.673.256.008
03	- Các khoản dự phòng		(558.711.475)	1.563.440.154
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		29.365.640	(8.443.365)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.255.038.606)	(4.155.354)
06	- Chi phí lãi vay		1.629.795.808	547.101.532
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.275.511.849)	(2.260.051.418)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		12.095.503.993	69.175.974.408
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(16.799.824.665)	(3.819.731.122)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(452.154.330)	(35.902.771.343)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(299.553.704)	(869.799.959)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(728.323.858)	(572.099.976)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(394.642.098)	(2.121.716.114)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	695.585.796
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(377.187.599)	(95.040.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.231.694.110)	24.230.350.272
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(323.553.600)	(73.985.000)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(75.639.616.000)	(1.944.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.754.993.192	4.109.940
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(65.208.176.408)	(2.013.875.060)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		65.164.155.461	18.441.503.091
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.997.681.940)	(34.108.392.310)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		61.166.473.521	(15.666.889.219)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(15.273.396.997)	6.549.585.993

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2022	Từ 01/04/2021
			đến 30/09/2022	đến 30/09/2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		27.764.239.420	6.543.724.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.830.720	(1.735.625)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>12.493.673.143</u>	<u>13.091.574.735</u>

Phạm Thị Bích Thảo
Người lập

Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Lâm Thiếu Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 07 tháng 04 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 213.436.540.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2022 là 213.436.540.000 đồng; tương đương 21.343.654 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 là: 95 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2022 là: 96 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lắp trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số lượng dự án hạ tầng giao thông và viễn thông tin học mà Công ty thực hiện trong kỳ này giảm so với cùng kỳ năm trước, do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 11,354 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 20,57%).

Trong kỳ, Công ty được chia cổ tức, lợi nhuận từ các đơn vị thành viên trong Tập đoàn (cùng kỳ năm trước không phát sinh), điều này làm cho doanh thu hoạt động tài chính tăng 15,249 tỷ VND và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 14,467 tỷ VND so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:

Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Địa chỉ

TP. Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Văn phòng đại diện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng dự án chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 26 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 08 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 02 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 31 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 05 năm |

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 31 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 5% trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán Báo cáo tài chính riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.



b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
Tiền mặt	78.194.947	91.804.949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.415.478.196	27.672.434.471
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	-
	<u>12.493.673.143</u>	<u>27.764.239.420</u>

Tại ngày 30/09/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 8.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,0%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND		VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (*)	224.000.000	-	224.000.000	-
	<u>224.000.000</u>	<u>-</u>	<u>224.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 30/09/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 224.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,7%/năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	118.023.227.088	(33.118.000.000)	117.383.611.088	(33.118.000.000)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	29.174.984.223	-	29.174.984.223	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	12.826.229.300	-	12.826.229.300	-
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	9.817.036.601	-	9.817.036.601	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh ⁽¹⁾	37.204.976.964	(33.118.000.000)	36.565.360.964	(33.118.000.000)
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	77.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion ⁽²⁾	72.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Intelnet ⁽³⁾	3.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	7.367.100.000	(3.047.000.000)	7.367.100.000	(3.047.000.000)
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	7.367.100.000	(3.047.000.000)	7.367.100.000	(3.047.000.000)
	202.700.327.088	(38.475.000.000)	127.060.711.088	(38.475.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

- (1) Căn cứ Thông báo của Tổng Giám đốc số 01/2022-ITD ngày 10/03/2022 về kế hoạch giải thể Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh, Công ty đã thực hiện mua lại 639.616 cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh từ các cổ đông là nhân viên cũ của Tập đoàn nhằm giữ nhằm mục đích hỗ trợ các cổ đông này có thể rút vốn trước khi tiến hành các bước để giải thể công ty với giá mua 1.000 đồng/cổ phần, tổng số tiền là 639.616.000 đồng.
- (2) Là khoản tiền đã chi trả căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 008/2021/NQ-HĐQT-CBTT ngày 18/05/2022 phê chuẩn đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion (gọi tắt là Larion), Công ty đã nhận chuyển nhượng 478.720 cổ phần có tổng mệnh giá là 4.787.200.000 đồng (chiếm 45% vốn điều lệ) từ các cổ đông hiện hữu của Larion.
- (3) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 009/2021/NQ-HĐQT-CBTT ngày 17/05/2022 phê chuẩn góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Intelnet, Công ty đã thực hiện góp 3.000.000.000 đồng tương ứng với 300.000 cổ phần tương ứng với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	TP. Hồ Chí Minh	50,42%	50,42%	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông; Cho thuê trạm BTS.
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	TP. Hồ Chí Minh	88,59%	88,59%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	TP. Hồ Chí Minh	98,80%	98,80%	Mua bán camera giám sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, đàn dục; Mua bán thiết bị điện, điện tử.
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	TP. Hồ Chí Minh	78,21%	78,21%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt, triển khai hệ thống phần mềm tin học; Cung cấp thiết bị và linh kiện điện tử, viễn
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	TP. Hồ Chí Minh	64,92%	25,00%	Kinh doanh thiết bị định vị.
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Xuất bản phần mềm.
- Công ty Cổ phần Intelnet	TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	Lập trình máy vi tính.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 38.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	TP. Hà Nội	2,00%	2,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam - Công ty Cổ phần	13.654.710.193	-	13.614.104.043	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	1.425.150.273	-	10.315.339.710	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	70.099.423.798	(7.626.506.517)	71.140.156.084	(7.626.506.517)
- Khác	40.342.977.759	(10.600.897.527)	43.454.829.729	(10.600.897.527)
	125.522.262.023	(18.227.404.044)	138.524.429.566	(18.227.404.044)

b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	1.264.632.715	-	3.993.885.300	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Trường Cao đẳng Đường sắt	742.153.927	-	742.153.927	-
- Công ty TNHH VTN	-	-	157.370.928	-
- Chi nhánh Nghệ An - Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning (Vietnam)	-	-	239.391.240	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG (Thành phố Hà Nội)	272.604.860	-	-	-
- Khác	1.233.025.612	-	437.823.150	-
	2.247.784.399	-	1.576.739.245	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.613.400.281	(113.400.281)	113.400.281	(113.400.281)
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.793.841	-	1.748.427	-
Phải thu người lao động	1.729.767	-	-	-
Tạm ứng	172.380.000	-	127.191.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.476.161.619	-	1.486.161.619	-
Phải thu tiền đảm bảo bảo hành công trình (*)	1.177.273.865	-	1.177.273.865	-
Cho mượn	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu quỹ phúc lợi	-	-	676.957.285	-
Phải thu phí chia sẻ tiện ích	212.805.705	-	185.344.220	-
Phải thu khác	121.604.544	-	590.520.491	-
	<u>11.277.149.622</u>	<u>(3.613.400.281)</u>	<u>7.858.597.188</u>	<u>(3.613.400.281)</u>
b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	<u>8.212.805.705</u>	<u>(3.500.000.000)</u>	<u>4.362.301.505</u>	<u>(3.500.000.000)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)

(*) Khoản tiền đảm bảo bảo lãnh công trình mà Công ty trả cho Công ty TNHH SK C&C thay chủ đầu tư. Công ty sẽ thu lại từ chủ đầu tư (hoặc từ Công ty TNHH SK C&C) khi hết hạn bảo hành công trình hoặc sớm hơn theo thỏa thuận hợp đồng. Khoản tiền này được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành thư bảo lãnh thanh toán nhằm đảm bảo khả năng thu hồi cho Công ty.

8 . NỢ XẤU

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần 715	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	8.466.562.797	840.056.280	8.466.562.797	840.056.280
- Các khoản khác	4.734.537.216	113.400.281	4.734.537.216	113.400.281
	<u>22.794.260.886</u>	<u>953.456.561</u>	<u>22.794.260.886</u>	<u>953.456.561</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.469.684.568	-	17.910.508.868	-
Hàng hoá	4.620.205.278	(2.625.505.668)	5.379.556.313	(2.625.505.668)
	<u>40.089.889.846</u>	<u>(2.625.505.668)</u>	<u>23.290.065.181</u>	<u>(2.625.505.668)</u>

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
Phần mềm Fast Business Online	430.660.800	287.107.200
	<u>430.660.800</u>	<u>287.107.200</u>

II . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	50.300.949.660	17.382.379.853	2.729.636.128	1.615.034.935	72.028.000.576
Số dư cuối kỳ	50.300.949.660	17.382.379.853	2.729.636.128	1.615.034.935	72.028.000.576
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	17.372.070.578	17.336.977.781	2.729.636.128	1.278.345.184	38.717.029.671
- Khấu hao trong kỳ	851.608.950	45.402.072	-	118.526.976	1.015.537.998
Số dư cuối kỳ	18.223.679.528	17.382.379.853	2.729.636.128	1.396.872.160	39.732.567.669
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	32.928.879.082	45.402.072	-	336.689.751	33.310.970.905
Tại ngày cuối kỳ	32.077.270.132	-	-	218.162.775	32.295.432.907

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 27.990.846.104 VND.

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.015.889.132 VND.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	24.053.529.245	833.785.190	24.887.314.435
- Mua trong kỳ	-	180.000.000	180.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>24.053.529.245</u>	<u>1.013.785.190</u>	<u>25.067.314.435</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	8.798.303.439	462.853.426	9.261.156.865
- Khấu hao trong kỳ	383.832.918	88.588.312	472.421.230
Số dư cuối kỳ	<u>9.182.136.357</u>	<u>551.441.738</u>	<u>9.733.578.095</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	15.255.225.806	370.931.764	15.626.157.570
Tại ngày cuối kỳ	<u>14.871.392.888</u>	<u>462.343.452</u>	<u>15.333.736.340</u>

(*) Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45 Lô A1, Đường 20, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 3.145 m², thời hạn thuê từ ngày 24/09/2012 đến ngày 23/09/2041 được sử dụng làm văn phòng Công ty.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 14.871.392.888 VND.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 197.902.126 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.023.482	34.243.779
Chi phí mua bảo hiểm	21.349.519	4.849.363
Chi phí sửa chữa	27.141.640	84.455.692
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	211.909.405	68.768.535
	<u>277.424.046</u>	<u>192.317.369</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	412.726.552	386.138.333
Chi phí hội viên câu lạc bộ goft	557.934.848	569.890.598
Chi phí sửa chữa	1.103.046.835	884.636.969
Chi phí trả trước dài hạn khác	52.355.943	70.951.251
	<u>2.126.064.178</u>	<u>1.911.617.151</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	12.335.760.000	12.335.760.000	12.975.760.000	12.975.760.000
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	60.000.000	60.000.000	2.692.823.817	2.692.823.817
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Đạo	826.040.069	826.040.069	826.040.069	826.040.069
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Giao thông Đông Hải	797.280.000	797.280.000	797.280.000	797.280.000
- Trading and Solution Consulting Inc	762.989.780	762.989.780	2.043.327.576	2.043.327.576
- Phải trả các đối tượng khác	7.691.482.545	7.691.482.545	6.536.071.829	6.536.071.829
	22.473.552.394	22.473.552.394	25.871.303.291	25.871.303.291
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	12.655.335.018	12.655.335.018	15.818.143.111	15.818.143.111

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty TNHH BOT Thiên Tân Quảng Ngãi	-	-	3.073.536.424	3.073.536.424
- Công ty TNHH Thương mại VHC	-	-	1.884.602.720	1.884.602.720
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	6.820.000.000	6.820.000.000	1.927.373.384	1.927.373.384
- Phải trả các đối tượng khác	2.037.963.292	-	-	-
	8.857.963.292	8.857.963.292	6.885.512.528	6.885.512.528

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		257.628.863		185.185.294		442.814.157		-		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		53.730.740		53.730.740		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		394.642.098		-		394.642.098		-		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		81.695.631		770.234.215		759.339.419		-		92.590.427	
	-		733.966.592		1.009.150.249		1.650.526.414		-		92.590.427	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2022		01/04/2022	
	VND		VND	
- Chi phí thi công công trình	278.433.306		1.760.585.564	
- Chi phí phải trả khác	45.000.000		110.000.000	
	323.433.306		1.870.585.564	



18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	-	333.924.971
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	318.163.440	568.282.640
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	113.123.700	113.123.700
- Phải trả lãi vay	905.479.452	4.007.502
- Phải trả tiền mượn	28.050.000.000	20.750.000.000
+ Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	20.750.000.000	20.750.000.000
+ Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	7.300.000.000	-
- Phải trả phí chia sẻ tiện ích	7.128.486	13.160.986
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	666.578.260	3.234.320.649
	<u>30.060.473.338</u>	<u>25.016.820.448</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	924.717.950	868.717.950
	<u>924.717.950</u>	<u>868.717.950</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	<u>28.962.607.938</u>	<u>20.763.160.986</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

- (1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/1303846/HĐTD ngày 18/03/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/1303846/HĐTD-PL03 ngày 07/09/2022, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định của Công ty.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

- (2) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu theo các hợp đồng vay tiền có thời hạn vay 02 năm, không có đảm bảo, lãi suất 10%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư.

c) Khoản vay đối với bên liên quan

	30/09/2022		01/04/2022	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	40.000.000.000	905.479.452	-	-
	40.000.000.000	905.479.452	-	-

Ghi chú:

(*) Công ty con

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	2.055.767.652	2.658.238.393
	2.055.767.652	2.658.238.393
b) Dài hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	2.045.291.919	2.001.532.653
	2.045.291.919	2.001.532.653

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	190.647.980.000	(721.880.000)	3.604.360.982	40.046.589.826	233.577.050.808
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(6.031.250.393)	(6.031.250.393)
Số dư cuối kỳ trước	190.647.980.000	(721.880.000)	3.604.360.982	34.015.339.433	227.545.800.415
Số dư đầu kỳ này	213.436.540.000	(721.880.000)	3.604.360.982	25.218.233.347	241.537.254.329
Lãi trong kỳ này	-	-	-	8.391.117.556	8.391.117.556
Số dư cuối kỳ này	213.436.540.000	(721.880.000)	3.604.360.982	33.609.350.903	249.928.371.885

b)	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
		VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	- Vốn góp đầu năm	213.436.540.000	190.647.980.000
	- Vốn góp cuối kỳ	<u>213.436.540.000</u>	<u>190.647.980.000</u>
c)	Cổ phiếu	30/09/2022	01/04/2022
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.343.654	21.343.654
	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.343.654	21.343.654
	- Cổ phiếu phổ thông	21.343.654	21.343.654
	Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	72.188	72.188
	- Cổ phiếu phổ thông	72.188	72.188
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.271.466	21.271.466
	- Cổ phiếu phổ thông	21.271.466	21.271.466
	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		
d)	Các quỹ công ty	30/09/2022	01/04/2022
		VND	VND
	Quỹ đầu tư phát triển	3.604.360.982	3.604.360.982
		<u>3.604.360.982</u>	<u>3.604.360.982</u>
22	CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
a)	Ngoại tệ các loại	30/09/2022	01/04/2022
	- Đồng đô la Mỹ (USD)	6.615,81	6.635,00
	- Đồng Euro (EUR)	231,46	239,38
b)	Nợ khó đòi đã xử lý	30/09/2022	01/04/2022
		VND	VND
	- Công ty Cổ phần Sóng truyền thông	85.500.000	85.500.000
	- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hoàng Phúc	45.000.000	45.000.000
	- Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	7.658.500	7.658.500
	- Khu Quản lý Đường bộ II	73.227.380	73.227.380
	- Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 494	40.000.000	40.000.000
		<u>251.385.880</u>	<u>251.385.880</u>

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	34.748.968.093	49.304.391.067
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	9.095.659.127	5.894.259.339
	43.844.627.220	55.198.650.406
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	2.210.199.720	2.158.170.251

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	154.600.000	-
	154.600.000	-

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.102.411.167	28.473.022.674
Giá vốn của dịch vụ và kỹ thuật đã cung cấp	3.754.130.946	14.811.604.439
	30.856.542.113	43.284.627.113
Trong đó: Tổng giá trị mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	1.240.535.501	1.488.704.958

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	44.563.606	4.155.354
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.846.975	9.034.083
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.210.475.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.645.736	7.230.097
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	8.443.365
	15.277.531.317	28.862.899
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	15.210.475.000	-

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.629.795.808	547.101.532
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.454.313	25.250.224
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	29.365.640	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	1.680.000.000
	1.672.615.761	2.252.351.756
	1.303.835.617	-
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)		

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194.245.676	162.651.994
Chi phí nhân công	10.268.237.883	10.692.460.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.000.000	1.021.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.383.352	379.930.741
Chi phí khác bằng tiền	364.741.476	135.839.968
	11.122.608.387	11.371.904.640
	2.485.000	4.427.000
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)		

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193.685.221	162.269.633
Chi phí nhân công	4.995.926.517	3.478.631.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.848.160	136.962.899
Thuế, phí, lệ phí	295.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(134.986.632)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.635.195.898	977.865.361
Chi phí khác bằng tiền	322.538.912	36.134.072
	7.198.489.708	4.656.876.732
	(350.159.350)	(98.923.446)
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)		

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
30 . THU NHẬP KHÁC		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	204.744.831	223.297.578
Thu nhập khác	95.889.507	83.744.500
	300.634.338	307.042.078
31 . CHI PHÍ KHÁC		
Các khoản bị phạt	26.817.713	-
Chi phí khác	1.637	45.535
	26.819.350	45.535
32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.391.117.556	(6.031.250.393)
Các khoản điều chỉnh tăng	26.817.713	542.946.178
- Chi phí không hợp lệ	26.817.713	542.946.178
Các khoản điều chỉnh giảm	(15.210.475.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(15.210.475.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(6.792.539.731)	(5.488.304.215)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	394.642.098	2.121.716.114
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(394.642.098)	(2.121.716.114)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-
33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	387.930.897	897.735.131
Chi phí nhân công	15.264.164.400	14.171.091.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.400.280.412	1.673.256.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.513.313.128	17.578.513.719
Chi phí khác bằng tiền	685.271.277	36.987.408
	27.250.960.114	34.357.584.120

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.493.673.143	-	27.764.239.420	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	136.799.411.645	(21.840.804.325)	146.383.026.754	(21.840.804.325)
Các khoản cho vay	224.000.000	-	224.000.000	-
	<u>149.517.084.788</u>	<u>(21.840.804.325)</u>	<u>174.371.266.174</u>	<u>(21.840.804.325)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/09/2022	01/04/2022
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			65.164.155.461	3.997.681.940
Phải trả người bán, phải trả khác			53.458.743.682	51.756.841.689
Chi phí phải trả			323.433.306	1.870.585.564
			<u>118.946.332.449</u>	<u>57.625.109.193</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.493.673.143	-	-	12.493.673.143
Phải thu khách hàng, phải thu khác	114.958.607.320	-	-	114.958.607.320
Các khoản cho vay	224.000.000	-	-	224.000.000
	<u>127.676.280.463</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>127.676.280.463</u>
Tại ngày 01/04/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.764.239.420	-	-	27.764.239.420
Phải thu khách hàng, phải thu khác	124.542.222.429	-	-	124.542.222.429
Các khoản cho vay	224.000.000	-	-	224.000.000
	<u>152.530.461.849</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>152.530.461.849</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2022				
Vay và nợ	25.164.155.461	40.000.000.000	-	65.164.155.461
Phải trả người bán, phải trả khác	52.534.025.732	924.717.950	-	53.458.743.682
Chi phí phải trả	323.433.306	-	-	323.433.306
	<u>78.021.614.499</u>	<u>40.924.717.950</u>	<u>-</u>	<u>118.946.332.449</u>
Tại ngày 01/04/2022				
Vay và nợ	3.997.681.940	-	-	3.997.681.940
Phải trả người bán, phải trả khác	50.888.123.739	868.717.950	-	51.756.841.689
Chi phí phải trả	1.870.585.564	-	-	1.870.585.564
	<u>56.756.391.243</u>	<u>868.717.950</u>	<u>-</u>	<u>57.625.109.193</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN
TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	65.164.155.461	18.441.503.091
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	3.997.681.940	34.108.392.310

36 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hạ tầng giao thông	Viễn thông tin học	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.173.482.010	26.321.585.893	7.194.959.317	43.690.027.220
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.013.575.841	5.685.555.372	3.134.353.894	12.833.485.107
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	323.553.600
Tài sản không phân bổ	-	-	-	383.394.205.775
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	133.465.833.890

Theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

100
NH
GT
i KI
AM
-TP
50
Y
N
4
N
N

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty con
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Công ty con
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty liên kết
Công ty TNHH Global Sitem	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần In No	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu	Công ty cùng Tập đoàn (từ 31/03/2022 không còn là bên liên quan)

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.210.199.720	2.158.170.251
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	820.647.563	748.545.489
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	914.441.348	942.917.377
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	-	5.904.000
- Công ty TNHH Global Sitem	366.219.269	374.183.041
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	108.891.540	86.620.344
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.240.535.501	1.488.704.958
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	224.535.501	111.364.958
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	60.000.000	133.790.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	860.000.000	1.243.550.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	96.000.000	-
Cổ tức được chia	15.210.475.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	2.510.259.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	8.200.216.000	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	4.500.000.000	-
Lãi đi vay	1.303.835.617	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	1.303.835.617	-
Chi phí bán hàng	2.485.000	4.427.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	1.825.000	4.127.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	660.000	300.000

Giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(350.159.350)	(98.923.446)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	(143.317.081)	(55.695.782)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	(62.443.575)	5.024.400
- Công ty TNHH Global Sitem	(114.743.694)	(48.252.064)
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	(12.775.000)	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	(16.880.000)	-
	475.768.945	83.744.496
Thu nhập do thu tiền VSOP	457.717.825	83.744.496
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	18.051.120	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	3.000.000.000	-
Góp vốn	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	3.000.000.000	-
Mượn tiền	7.300.000.000	1.300.000.000
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	-	5.200.000.000
Trả tiền mượn	-	5.200.000.000
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	-	5.200.000.000
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.264.632.715	3.993.885.300
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	781.987.024	2.054.975.970
- Công ty TNHH Global Sitem	203.155.435	86.330.182
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	61.912.783	6.411.221
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	217.577.473	196.167.927
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	-	1.650.000.000
	8.212.805.705	4.362.301.505
Phải thu ngắn hạn khác	-	48.892.285
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	108.795.627	667.404.225
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	74.355.078	146.004.995
- Công ty TNHH Global Sitem	4.516.880.000	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	12.775.000	-
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	3.500.000.000	3.500.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	-	-
	12.655.335.018	15.818.143.111
Phải trả cho người bán ngắn hạn	12.335.760.000	12.975.760.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	60.000.000	2.692.823.817
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	166.193.449	56.177.725
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	93.381.569	93.381.569
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	-	-
	28.962.607.938	20.763.160.986
Phải trả ngắn hạn khác	20.750.000.000	20.750.000.000
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	4.507.326	10.146.786
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	908.100.612	3.014.200
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	7.300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	-	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Thu nhập và thù lao	3.683.566.216	4.444.894.222
- Ông Lâm Thiếu Quân	808.561.235	1.256.894.560
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	565.700.656	1.216.977.704
- Bà Trương Thị Phương Dung	320.160.000	407.933.146
- Bà Nguyễn Thị Thu Sương	424.778.843	498.417.016
- Ông Phạm Đức Long	635.465.482	691.313.236
- Ông Lê Ngọc Thạch	425.000.000	-
- Bà Doãn Thị Bích Ngọc	31.200.000	38.216.667
- Ông Lưu Đức Khánh	(*)	200.000
- Ông Mạc Quang Huy	(*)	200.000
- Ông Nguyễn Đức Thắng	(*)	166.667
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	31.200.000	26.300.000
- Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	31.200.000	26.300.000
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	273.200.000	281.875.226
- Bà Mai Ngọc Phượng	18.900.000	100.000

(*) Thành viên HĐQT miễn nhiệm, từ nhiệm trong kỳ này.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021.

Phạm Thị Bích Thảo
Người lập

Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Lâm Thiếu Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022